

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TỬ THẢO NGUYỄN SƠN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TỬ THẢO NGUYỄN SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THAO NGUYEN SON MECHATRONICS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108504644

**3. Ngày thành lập:** 08/11/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Vân Lôi, Xã Trạch Mỹ Lộc, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02462968454

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                      | 5225        |
| 2.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                 | 2592        |
| 3.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                             | 2591        |
| 4.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                          | 4651        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                              | 4659(Chính) |
| 6.  | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                | 1062        |
| 7.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                   | 3312        |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                        | 4321        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                               | 4329        |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                      | 4663        |
| 11. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                         | 0118        |
| 12. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                          | 0131        |
| 13. | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                           | 0132        |
| 14. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu<br>(Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại) | 2599        |
| 15. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                                                    | 2816        |
| 16. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                       | 3313        |
| 17. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                            | 4101        |
| 18. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                               | 4520        |
| 19. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                | 4530        |

|     |                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                            | 4633 |
| 21. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                           | 4669 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                    | 5221 |
| 23. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                              | 7120 |
| 24. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                   | 7212 |
| 25. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu                                                                                     | 7490 |
| 26. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                     | 8560 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Trừ hoạt động đấu giá) | 8299 |
| 28. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                 | 7213 |
| 29. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                     | 0128 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên                                                                                                  | 0910 |
| 31. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                     | 3320 |
| 32. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                            | 3830 |
| 33. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                           | 3900 |
| 34. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                     | 4102 |
| 35. | Phá dỡ                                                                                                                                                      | 4311 |
| 36. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                           | 4312 |
| 37. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                       | 4322 |
| 38. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                         | 7110 |
| 39. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                | 0161 |
| 40. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                | 1030 |
| 41. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                    | 1629 |
| 42. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                              | 4330 |
| 43. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                              | 4511 |
| 44. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                       | 2824 |
| 45. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                     | 1104 |
| 46. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                                                                  | 3240 |
| 47. | Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                         | 2910 |
| 48. | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                                                                                      | 2821 |
| 49. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                                                                               | 2829 |
| 50. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                      | 3314 |
| 51. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                          | 4632 |

|     |                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|------|
| 52. | Bán buôn tổng hợp                                                               | 4690 |
| 53. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                  | 4933 |
| 54. | Đánh giá rủi ro và thiệt hại                                                    | 6621 |
| 55. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên    | 7211 |
| 56. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp | 7214 |
| 57. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                              | 4652 |
| 58. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                  | 1079 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CAO TUẤN ANH       | Thôn Vân Lôi, Xã Trạch Mỹ Lộc, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 10,000    | 112460496                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
| 2   | KHUẤT THỊ THU THỦY | 407B-C3, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    | 001181011261                                                                                |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ PHƯỢNG  | Thôn Vân Lôi, Xã Trạch Mỹ Lộc, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 350.000    | 3.500.000.000         | 70,000    | 112483289                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số           | 350.000    | 3.500.000.000         | 70,000    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ PHUƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/07/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 112483289

Ngày cấp: 22/11/2007

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Tây (Nay là Công an thành phố Hà Nội)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Vân Lôi, Xã Trạch Mỹ Lộc, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Vân Lôi, Xã Trạch Mỹ Lộc, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội